

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2024/DS-ST.

Ngày: 16/8/2024.

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2. Ông Võ Văn Thống.

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm xxxx. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã GT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Phạm Thị C, sinh năm xxxx. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Năm 2016 và năm 2017, bà có cho bà C vay tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 10/9/2016 âm lịch, bà C vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Bà viết giấy nợ và bà C ký tên nhận nợ. Sau khi vay, bà C có trả lãi 02 lần, 06 tháng trả 01 lần là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng.

- Ngày 23/9/2016 âm lịch, bà C vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Bà viết giấy nợ và bà C ký tên nhận nợ. Sau khi vay, bà C có trả lãi 01 năm là 1.200.000 đồng.

- Ngày 10/9/2017 âm lịch, bà C vay thêm 60.000.000 đồng. Bà viết giấy nợ tổng 03 lần vay là 120.000.000 đồng, bà C có ký tên nhận nợ và xin giảm lãi suất còn 10.000.000 đồng/năm. Hai bên thỏa thuận trả tất vốn và lãi 01 lần trong hạn 01 năm.

Cả 03 lần vay trên, bà đều giao tiền cho bà C tại nhà của bà. Sau khi vay, bà C có trả lãi cho bà tính đến ngày 10/9/2022 âm lịch tổng cộng khoảng 47.200.000 đồng thì bà C ngưng không trả lãi nữa và đến nay chưa hoàn lại tiền vốn dù bà nhiều lần yêu cầu bà C thanh toán.

Nay bà yêu cầu bà C trả số tiền vốn còn nợ là 120.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/9/2022 âm lịch đến nay. Hiện bà còn nợ ngân hàng, kinh tế cũng gặp khó khăn nên bà yêu cầu bà C trả vốn và lãi cụ thể như sau:

- Lần 1: Trả số tiền 50.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.
- Lần 2: Trả số tiền 48.200.000 đồng vào ngày 01/9/2025.
- Lần 3: Trả số tiền 48.200.000 đồng vào ngày 01/9/2026.

Nếu bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì bà được quyền yêu cầu thi hành án buộc bà C trả toàn bộ số nợ vốn và lãi 01 lần dù chưa đến hạn thanh toán.

Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

*** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị C trình bày:**

Chồng bà và chồng của bà N là anh em bạn dì. Bà có biết bà N cho vay lãi suất thấp nên bà đã vay để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn. Nay bà thừa nhận bà có vay của bà N tổng số tiền vốn 120.000.000 đồng và có ký 03 giấy tay mượn tiền như bà N trình bày. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đến thời điểm dịch C thì bà N giảm lãi suất còn 10.000.000 đồng/năm. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả vốn, dù giấy nợ ghi là 01 năm nhưng bà N để cho bà đóng lãi khi nào cần vốn thì bà N lấy lại.

Sau khi vay, bà có trả lãi cho bà N đến năm 2022 tổng cộng khoảng 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay, do những người vay tiền của bà bỏ trốn, không trả tiền cho bà nên bà không có tiền trả lãi cho bà N. Sau đó, bà N có nhiều lần yêu cầu bà trả lại tiền vốn nhưng bà không có tiền hoàn lại nên bà N khởi kiện.

Nay bà thừa nhận còn nợ bà N 120.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 10/9/2022 âm lịch đến nay nhưng bà chỉ đồng ý trả tiền vốn và xin trả trước 50.000.000 đồng; số nợ còn lại thì bà xin trả trong hạn 02 năm; bà xin không trả lãi do kinh tế khó khăn. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G và cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N, nhận thấy:

[2.1] Căn cứ nội dung 03 giấy tay mượn tiền đề ngày 23/9/2016 âm lịch, ngày 10/9/2016 âm lịch và ngày 10/9/2017 âm lịch có chữ ký của bà Phạm Thị C cùng lời

khai thừa nhận của bà C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hiện bà C còn nợ bà N số tiền vốn là 120.000.000 đồng và bà C đồng ý trả cho bà N số tiền này nên ghi nhận, điều này cũng phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi:

Căn cứ 03 giấy tay mượn tiền cùng lời khai của hai bên đương sự thì các khoản vay nêu trên đều là khoản vay có kỳ hạn và có tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều xác sau khi vay, bà C có trả lãi cho bà N đến ngày 10/9/2022 (âm lịch) thì ngưng cho đến nay. Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà C tiếp tục trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/9/2022 âm lịch (tức là ngày 05/10/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2024) là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó cần buộc bà C tiếp tục trả cho bà N số tiền lãi còn nợ là: 120.000.000 đồng x 1%/tháng x 22 tháng 11 ngày = 26.840.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu bà C trả số tiền lãi 26.400.000 đồng là có lợi cho bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc bà C xác định mức lãi suất vay hai bên thỏa thuận tại thời điểm vay là 5%/tháng và sau đó giảm còn 10.000.000 đồng/năm nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, bà cũng không xác định được cụ thể số tiền lãi đã trả cho bà N; trong khi bà N chỉ thừa nhận mức lãi suất vay là 1%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để tính lại số tiền lãi mà bà C đã trả cho bà N với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để khấu trừ vào số tiền lãi mà bà C còn phải tiếp tục trả cho bà N như lời trình bày của bà C.

[2.3] Về thời hạn trả: Bà N xác định thời hạn vay là 01 năm, bà C xác định hai bên không thỏa thuận thời hạn vay đối với 03 khoản vay này. Căn cứ 03 giấy tay mượn tiền đều thể hiện hai bên có thỏa thuận thời hạn trả là 01 năm nhưng đến nay bà C vẫn chưa thanh toán cho bà N là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền; hơn nữa, yêu cầu trả dần nợ của bà C không được bà N đồng ý nên cần buộc bà C có trách nhiệm trả nợ vốn và lãi cho bà N theo yêu cầu của bà N để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N và cũng phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Bà C có nghĩa vụ trả nợ nên bà phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *Các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi và Đ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N. Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền còn nợ là 146.400.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), gồm: 120.000.000 đồng nợ vốn và 26.400.000 đồng nợ lãi.

Thời hạn trả:

- Lần 1: Trả số tiền 50.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.
- Lần 2: Trả số tiền 48.200.000 đồng vào ngày 01/9/2025.
- Lần 3: Trả số tiền 48.200.000 đồng vào ngày 01/9/2026.

Nếu bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì bà N được quyền yêu cầu thi hành án buộc bà C trả toàn bộ số nợ vốn và lãi 01 lần dù chưa đến hạn thanh toán.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án .

2. Về án phí:

- Bà C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm do bà là người cao tuổi.
- H lại bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.650.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013516 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên